Phụ lục I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN[1]

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂK LĂK

TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGUYỄN THÁI BÌNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2026

Ea Kar, tháng 06 năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG[2]

Thông tin chung về nhà trường

1. Tên trường: TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGUYỄN THÁI BÌNH

2. Địa chỉ trụ sở, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử.

-Địa chỉ: Thôn 14, xã Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk

-Trang thông tin điện tử:

http://chttps://c3nguyenthaibinh.daklak.edu.vn

- Điện thoại: 02623603178

3. Loại hình của nhà trường: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.

4.1 Sứ mạng:

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, tiên tiến và hiện đại; tạo mọi điều kiện tốt nhất để học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển năng lực; hoàn thiện học vấn phổ thông, phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục theo chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ tổ quốc;

4.2 Tầm nhìn:

Trường THPT Nguyễn Thái Bình trở thành cơ sở giáo dục an toàn, hạnh phúc, có uy tín, có chất lượng cao. Cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ; đội ngũ tận tâm, chuyên nghiệp. học sinh của nhà trường có nền tảng tri thức toàn diện, có nhân cách, năng động, sáng tạo, có khả năng hội nhập và khát vọng vươn lên, Khi tốt nghiệp có khả năng lập thân, lập nghiệp vững vàng, hoà nhập cộng đồng cao và hội nhập thế giới thành công;

4.3 Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia theo cấp độ 1 và 2; xây dựng đội ngũ sư phạm vững về chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, thống nhất trong tư tưởng và hành động; xây dựng thương hiệu, uy tín và môi trường giáo dục hạnh phúc, chất lượng cao; xây dựng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung trong toàn tỉnh, toàn quốc và khu vực;

4.3.2. Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu ngắn hạn

Khẳng định uy tín và hình ảnh cuả nhà trường là một cơ sở giáo dục mạnh của tỉnh, chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội;

Tiếp tục củng cố thương hiệu, uy tín, chất lượng; đầu tư CSVC, thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới, hoàn thành mục tiêu lên trường chuẩn Quốc gia cấp độ 1;

b. Mục tiêu trung hạn

Từ năm 2020 đến năm 2025, phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

Thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển nhà trường "Xây dựng nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia theo cấp độ 2; xây dựng đội ngũ sư phạm vững về chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, thống nhất trong tư tưởng và hành động; xây dựng thương hiệu, uy tín và môi trường giáo dục hạnh phúc, chất lượng cao; xây dựng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung trong toàn tỉnh, toàn quốc và khu vực";

c. Mục tiêu dài hạn

Từ năm 2025 đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

Trường THPT Nguyễn Thái Bình trở thành cơ sở giáo dục an toàn, hạnh phúc, có uy tín, có chất lượng cao; học sinh có nền tảng tri thức toàn diện, có nhân cách, năng động, sáng tạo, có khả năng hội nhập và khát vọng vươn lên; cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ; đội ngũ tận tâm, chuyên nghiệp;

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

-Từ năm 2008 đến năm 06/2025: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình đã được thành lập năm 2008 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk. Thầy Nguyễn Hải Châu là thầy Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường, Thầy Nguyễn Quốc Thanh làm Phó Hiệu trưởng.

Năm học đầu tiên (2008 - 2009) nhà trường có 9 lớp 10. Cơ sở vật chất ban đầu còn khó khăn chỉ có 1 dãy nhà học 3 tầng với 18 phòng học và một khu nội trú cho giáo viên ở lại.

Năm học 2009 - 2010 tuyển sinh được 8 lớp 10, nâng tổng thành 17 lớp (8 lớp 10, 9 lớp 11).

Năm học 2010 - 2011 tuyển sinh được 8 lớp 10, nâng tổng thành 22 lớp (8 lớp 10, 7 lớp 11, 7 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 85,20%

Năm học 2011 - 2012 thầy Hiệu trưởng Nguyễn Hải Châu nghỉ hưu theo chế độ. Thầy Bùi Văn Chương được bổ nhiệm Hiệu trưởng nhà trường, thầy Nguyễn Văn Tú được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng, Năm học này trường có tổng cộng 23 lớp (9 lớp 10, 7 lớp 11, nhà trường có 7 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 88,71%.

Năm học 2012 - 2013 nhà trường có 24 lớp (9 lớp 10, 8 lớp 11, 7 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 99,68%

Năm học 2013 - 2014 nhà trường có 26 lớp (9 lớp 10, 9 lớp 11, 8 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 99,04%

Năm học 2014 – 2015 Thầy Bùi Văn Chương được chuyển công tác bổ nhiệm Hiệu trưởng THPT Ngô Gia Tự, thầy Trần Thanh Minh được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng nhà trường. Năm học học này nhà trường có 26 lớp (8 lớp 10, 9 lớp 11, 9 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 89,68%.

Năm học 2015 - 2016 nhà trường có 26 lớp (9 lớp 10,7 lớp 11; 10 Lớp 12). Tỉ

lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 97,72%

Năm học 2016 - 2017 nhà trường có 26 lớp (9 lớp 10, 9 lớp 11, 8 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 98,34%

Năm học 2017 - 2018 nhà trường có 26 lớp (9 lớp 10, 9 lớp 11, 8 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 98,58%. Trong năm học này Thầy Nguyễn Quốc Thanh công tác làm Hiệu trưởng Trường THPT Trần Quốc Toản, Thầy Lê Anh Văn, Bí thư Đoàn trường được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Thái Bình.

Năm học 2018 - 2019 nhà trường có 27 lớp (9 lớp 10, 9 lớp 11, 9 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 96,34%

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có 27 lớp (9 lớp 10, 9 lớp 11, 9 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 97,75%

Năm học 2020 - 2021 nhà trường có 23 lớp (6 lớp 10, 9 lớp 11, 8 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 99,37%

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 21 lớp (7 lớp 10, 6 lớp 11, 8 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 100%

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có 22 lớp (9 lớp 10, 7 lớp 11, 6 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 99,55%

Năm học 2023 – 2024. Thầy Trần Thanh Minh nghỉ hưu theo chế độ, Thầy Nguyễn Văn Tú, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng nhà trường, Thầy Võ Hùng Cường, Bí thư Đoàn trường được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng nhà trường. Năm học này nhà trường có 21 lớp (06 lớp 10, 08 lớp 11, 07 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 100%.

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 21 lớp (08 lớp 10, 06 lớp 11, 07 Lớp 12). Tỉ lệ tốt nghiệp của lớp 12 năm học này là 99,3%

Năm học 2025 - 2026 trường đổi tên thành Trường THPT Số 1 Nguyễn Thái Bình. Năm học này nhà trường có 20 lớp (06 lớp 10, 08 lớp 11, 06 Lớp 12).

Năm 2026 – 2027 nhà trường có 21 lớp (08 lớp 10, 06 lớp 11, 07 Lớp 12).

Từ năm 2012 – 2013 đến nay nhà trường đưa vào hoạt động khu nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà thi đấu đa năng để tổ chức các hoạt động cho học sinh, dãy nhà bộ môn, thư viện phục vụ cho công tác dạy và học. Năm học 2022 – 2023 nhà trường đưa vào hoạt động khu thể chất với 01 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ, và 01 sân bóng chuyền. Hằng năm nhà trường đều tu bổ cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan trường học sạch sẽ để phụ vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học.

Từ khi thành lập trường đến nay, nhà trường và các đoàn thể trong nhà trường được tặng giấy khen, bằng khen các cấp. Các năm học nhà trường luôn có sự phát triển về các mặt cơ sở vật chất và chất lượng dạy học (có học sinh vào đội tuyển học sinh giỏi tỉnh dự thi cấp Quốc gia, số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh, Olimpic 10/3,…có sự tiến bộ vượt bậc). Năm học 2025-2026 nhà trường có 01 học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia môn Lịch sử và đạt giải khuyến khích.

Trải qua chặng đường hơn 15 năm hình thành và phát triển, với bao thăng trầm, nhưng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của nhà trường luôn đoàn kết một lòng hướng về một mục tiêu chung đó là kỷ cương nghiêm, chất lượng thật, hiệu quả cao. Trường THPT Nguyễn Thái Bình luôn xứng đáng là một trong những trường THPT có chất lượng hàng đầu của huyện nhà cũng như của tỉnh Đăk Lăk.

6. Thông tin người đại diện pháp luật, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ tên: Nguyễn Văn Tú

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 05 Cư ni, xã Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk.

Số điện thoại: 0947625179

Địa chỉ thư điện tử: Vantuntb@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

- Qđ số 2352/QĐ-UBND ngày 8/9/2008 của UBND tỉnh Đăk Lăk;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định công nhận Chủ tịch hội đồng trường THPT Nguyễn Thái Bình, nhiệm kỳ 2023-2028, số: 872/QĐ-SGDĐT, ngày 21/11/2023 của Sở GD&ĐT Đăk Lăk;

- Quyết định công nhận Hội đồng trường THPT Nguyễn Thái Bình, nhiệm kỳ 2023-2028, số: 785/QĐ-SGDĐT, ngày 24/10/2023 của Sở GD&ĐT Đăk Lăk;

- Danh sách Hội đồng trường, gồm 11 người:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Tú	Bí thư Đảng ủy- Hiệu trưởng
2	Đào Văn Vinh	Bí thư Đoàn thanh niên
3	Lê Anh Văn	Phó Hiệu trưởng
4	Võ Hùng Cường	Phó Hiệu trưởng
5	Đinh Văn Nam	Chủ tịch Công đoàn cơ sở
6	Nguyễn Văn Chiến	Tổ trưởng chuyên môn
7	Nguyễn Văn Hưng	Tổ trưởng chuyên môn
8	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng Tổ Văn Phòng
9	Nguyễn Tiến Thịnh	Phó Trưởng Phòng GDĐT huyện Ea Kar
10	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng Ban đại diện CMHS
11	Phan Thị Mỹ Lành	Lớp 11B3

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 300/QĐ-SGDĐT, ngày 25 tháng 07 năm 2025 của Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm ông **Nguyễn Văn Tú**, Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông

Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (cũ) giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn giữ chức vụ 5 năm, kể từ ngày 26/07/2023;

- Quyết định số 301/QĐ-SGDĐT, ngày 25 tháng 07 năm 2025 của Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm ông **Lê Anh Văn**, Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (cũ) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn giữ chức vụ 5 năm, kể từ ngày 09/02/2023;

- Quyết định số 302/QĐ-SGDĐT, ngày 25 tháng 07 năm 2025 của Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm ông **Võ Hùng Cường**, Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (cũ) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Thái Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk. Thời hạn giữ chức vụ 5 năm, kể từ ngày 26/07/2023;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quyết định số: 33/QĐ-THPT NTB tháng 10/2023 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường THPT Nguyễn Thái Bình;

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển, Kế hoạch số 68/2023/KHCL-THPT1 NTB, ngày 22/09/2023, Kế hoạch phát triển Trường THPT Nguyễn Thái Bình giai đoạn 2022-2027 và tầm nhìn đến năm 2035;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quyết định số 76/QĐ-THPT1 NTB, ngày 21/10/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Số 1 Nguyễn Thái Bình;

- Các nghị quyết của hội đồng trường (Văn bản Hội đồng trường): Nghị quyết lần 1; Nghị quyết lần 2; Nghị quyết lần 3 năm 2024; Biên bản họp Hội đồng trường;

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quyết định phân công nhiệm vụ HT, PHT số 26/QĐ-THPT NTB ngày 26/09/2023 của HT trường THPT Nguyễn Thái Bình; Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định số 39/QĐ-THPT NTB tháng 10/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ trường THPT Nguyễn Thái Bình năm học 2023-2024; Quyết định số 40/QĐ-THPT NTB tháng 10/2023 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; Quyết định số 02/QĐ-NTB ngày 15/09/2024 về việc ban hành quy chế phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức trong và ngoài nhà trường;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN[3]

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**55**		**05**	**44**	**02**	**3**	**2**	**48**			**55**			
I	**Giáo viên**	**48**		**04**	**44**				48			48			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	**07**		**0**	**07**				**07**			**07**			
2	Lý - CN	**04**		**0**	**04**				**04**			**04**			
3	Hóa	**04**		**0**	**04**				**04**			**04**			
4	Sinh - CN	**04**		**0**	**04**				**04**			**04**			
5	Tiếng Anh	**05**		**0**	**05**				**05**			**05**			
6	Văn	**07**		**01**	**06**				**07**			**07**			
7	Sử	**02**		**0**	**02**				**02**			**02**			
8	Địa	**03**		**0**	**03**				**03**			**03**			
9	GDKT&PL	**01**		**01**	**0**				**01**			**01**			
9	Tin	**03**		**0**	**03**				**03**			**03**			
10	TD-QP	**04**		**0**	**04**				**04**			**04**			
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**2**					**3**			**3**			
1	Hiệu trưởng	**1**		**1**					**1**			**1**			
2	Phó hiệu trưởng	**2**		**1**					**2**			**2**			
III	**Nhân viên**	**08**		**01**	**0**	**02**	**03**	**02**							
1	Nhân viên văn thư	**01**					**01**								
2	Nhân viên kế toán	**01**		**01**	**0**										
3	Thủ quĩ														
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên thư viện	1					01								
6	Nhân viên khác	04					02	2							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT[4]

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	30	5,7
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	7	1,9
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	0,67	
8	Bình quân học sinh/lớp	42,6	
III	**Số điểm trường**	0	
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	36190	42,4
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	30651	33
VI	**Tổng diện tích các phòng**	8019	9,4
1	Diện tích phòng học (m^2)	2883	3,3
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	1061	1,2
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	0	
3	Diện tích thư viện (m^2)	150	0,17
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	500	0,58
5	Diện tích phòng khác (….)(m^2)	995	1,1
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	465	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	150	25
2	Khối lớp 11	185	23
3	Khối lớp 12	280	46,6
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
5	…..		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	31	Số học sinh/bộ
			27,5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC[6]

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh

- Công tác tuyển sinh thực hiện theo đúng công văn chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Lăk. Nhà trường thành lập Ban tuyển sinh và xây dựng Kế hoạch tuyển sinh triển khai đến các trường THCS và UBND các xã, để biết kế hoạch tuyển sinh của nhà trường. Năm học 2026-2027 nhà trường thực hiện phương thức xét tuyển, số học sinh trúng tuyển 352/352 chỉ tiêu giao, điểm chuẩn 37.5. Số học sinh nhập học 352.

- Công tác chuyển trường thực hiện theo đúng quy định của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Lăk.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

Năm học 2025-2026 nhà trường thực hiện phương thức thi tuyển sinh với 242 hồ sơ đăng ký dự thi, số học sinh trúng tuyển 239/240 chỉ tiêu giao, điểm chuẩn 7,5. Số học sinh nhập học 239 (thiếu 01 học sinh so với chỉ tiêu giao)

Toàn trường năm học 2025 – 2026 có 868 học sinh, chia làm 20 lớp. Khối 10: 249 (06 lớp), khối 11: 342 (08 lớp), khối 12: 277 (06 lớp).

Số học sinh khuyết tật: 02,

Số học sinh bình quân/lớp: 43 học sinh

Chuyển đến: 05 em; chuyển đi: 03 em.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
CẢ NĂM - NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		**836**	**195**	**23.33**	**405**	**48.44**	**221**	**26.44**	**15**	**1.79**	**777**	**92.94**	**53**	**6.34**	**6**	**0.72**	**0**	**0**
1	**Khối 10**	**237**	**30**	**12.66**	**90**	**37.97**	**103**	**43.46**	**14**	**5.91**	**203**	**85.65**	**28**	**11.81**	**6**	**2.53**	**0**	**0**
1.1	10B1	42	22	52.38	18	42.86	2	4.76	0	0	40	95.24	2	4.76	0	0	0	0
1.2	10B2	34	2	5.88	15	44.12	16	47.06	1	2.94	31	91.18	3	8.82	0	0	0	0
1.3	10B3	39	0	0	21	53.85	16	41.03	2	5.13	30	76.92	9	23.08	0	0	0	0
1.4	10B4	40	3	7.5	23	57.5	14	35	0	0	38	95	2	5	0	0	0	0
1.5	10B5	40	1	2.5	7	17.5	27	67.5	5	12.5	30	75	9	22.5	1	2.5	0	0
1.6	10B6	42	2	4.76	6	14.29	28	66.67	6	14.29	34	80.95	3	7.14	5	11.9	0	0
2	**Khối 11**	**324**	**65**	**20.06**	**155**	**47.84**	**103**	**31.79**	**1**	**0.31**	**302**	**93.21**	**22**	**6.79**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	11A1	35	28	80	6	17.14	1	2.86	0	0	34	97.14	1	2.86	0	0	0	0
2.2	11A2	35	9	25.71	13	37.14	13	37.14	0	0	35	100	0	0	0	0	0	0
2.3	11A3	40	6	15	17	42.5	17	42.5	0	0	39	97.5	1	2.5	0	0	0	0
2.4	11A4	38	10	26.32	14	36.84	13	34.21	1	2.63	28	73.68	10	26.32	0	0	0	0
2.5	11A5	45	8	17.78	35	77.78	2	4.44	0	0	42	93.33	3	6.67	0	0	0	0
2.6	11A6	43	1	2.33	26	60.47	16	37.21	0	0	43	100	0	0	0	0	0	0
2.7	11A7	45	2	4.44	26	57.78	17	37.78	0	0	42	93.33	3	6.67	0	0	0	0
2.8	11A8	43	1	2.33	18	41.86	24	55.81	0	0	39	90.7	4	9.3	0	0	0	0
3	**Khối 12**	**275**	**100**	**36.36**	**160**	**58.18**	**15**	**5.45**	**0**	**0**	**272**	**98.91**	**3**	**1.09**	**0**	**0**	**0**	**0**
3.1	12C1	40	16	40	24	60	0	0	0	0	40	100	0	0	0	0	0	0
3.2	12C2	47	19	40.43	28	59.57	0	0	0	0	46	97.87	1	2.13	0	0	0	0
3.3	12C3	42	18	42.86	22	52.38	2	4.76	0	0	41	97.62	1	2.38	0	0	0	0
3.4	12C4	50	24	48	26	52	0	0	0	0	50	100	0	0	0	0	0	0
3.5	12C5	49	14	28.57	31	63.27	4	8.16	0	0	49	100	0	0	0	0	0	0
3.6	12C6	47	9	19.15	29	61.7	9	19.15	0	0	46	97.87	1	2.13	0	0	0	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Về điểm xét tuyển đại học: Học sinh có điểm xét tuyển đại học tổ hợp môn Toán, Lý, Hóa cao nhất là 28,0 điểm; tổ hợp môn Toán, Vật Lý, Ngoại ngữ cao nhất là 27 điểm; tổ hợp môn Toán, Hóa, Sinh cao nhất là 26.75 điểm; tổ hợp môn Văn, Sử, Địa cao nhất là 26,75 điểm; tổ hợp môn Toán, Văn, Ngoại ngữ cao nhất là 20.75 điểm.

Điểm thi cao nhất: Môn Toán: 9,0; Lý 9,5; Hóa: 9,5; Sinh: 7,25; Văn: 9.5; Sử: 9.75; Địa: 10; GDCD: 9.75; Ngoại ngữ 7.25

Số lượng học sinh đậu đại học nguyện vọng 1 là 120 em, đạt tỉ lệ 43.3%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH[7]

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Stt	Nội dung	Kinh phí năm trước chuyển qua	Kinhphí nhận năm 2025	Kinh phí được sử dụng trong năm	Kinh Phí đã sử dụng	Nộp thuế	Dự kiến sử dụng năm 2026
1	Kinh phí không thường xuyên (KTC 12)	0	8.652.000.000	8.652.000.000	8.438.330.000		213.670.000
2	Kinh phí tự chủ 13. Trong đó: - Chi lương - Chi thường xuyên	66.425.862	11.760.900.000	11.827.325.862	11.827.325.862	0	0
3	Kinh phí bổ sung dự toán nguồn 18 KPKTC theo NĐ 73		562.000.000	562.000.000	562.000.000	0	0
4	Phí lệ phí (học phí)	451.939.760	334.850.000	786.789.760	387.860.087	6.697.000	392.232.673
5	Dạy thêm học thêm	121.229.423	1.713.764.000	1.834.993.423	1.659.218.139	34.275.280	141.500.004
6	Giữ xe	41.730.500	109.445.000	151.175.500	36.000.000	10.944.500	104.231.000
7	Tuyển sinh 10	0	60.522.000	60.522.000	55.512.000	1.210.000	3.800.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC[8]

Nhà trường thành lập đội tuyển tham gia kỳ thi IOE cấp Tỉnh môn Tiếng Anh và đội Volympic đạt nhiều giải thưởng cấp tỉnh, cấp Quốc gia.

Tham gia Kỳ thi Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh đạt 17 giải (04 giải nhì, 05 giải Ba, 08 KK).

Tham gia cuộc thi KHKT – Khởi nghiệp đạt 01 giải ba.

Có 16 sáng kiến đạt giải cấp Sở

Tham gia giải chạy Việt dã trong nội dung Đại hội thể dục thể thao cấp xã và đạt giải nhất toàn toàn nội dung Nam chính, giải Nhì toàn đoàn nội dung nữ chính và giải nhất toàn đoàn.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SỐ 1 NGUYỄN THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Tú

[1] Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

[2] Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

[3] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[4] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[5] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[6] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[7] Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

[8] Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.